CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2023 XÃ LIÊN MINH

(Kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2023 của UBND xã Liên Minh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Trong đó các xóm								
				Nhâu	Vang	Thâm	Nho	Ngọc Mỹ	Khuân Đã	Kẹ	Nác	K.Nang
A	**Chỉ tiêu kinh tế**											
I	**Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản**											
1	**Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản trên địa bàn**	Tỷ đồng	60.9									
2	**Giá trị sản phẩm/1ha đất trồng trọt (theo thực tế)**	Tr.đ/ha	72									
3	**Diện tích, sản lượng một số cây trồng chủ yếu**											
3.1	**Trồng trọt**											
	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	3,500	535	621	410	469	355	225	275	310	300
	Trong đó: + Thóc	Tấn	2,000	381	421	228	245	193	90	158	122	162
	Ngô	Tấn	1,500	154	200	182	224	162	135	117	188	138
	Sản lượng rau, đậu các loại	ha	360	52	63	40	50	25	15	20	60	35
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	4,500	950	1000	701	350	220	150	270	259	600
3.2	**Chè trồng mới và trồng lại**	Ha	5	0.7	0.8	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5

3.3	**Diện tích trồng rừng tập trung**	Ha	80	13	14	5	4	5	8	9	14	8
3.4	**Chăn nuôi**		0									
	Tổng đàn trâu	Con	425	40	80	25	24	45	28	41	95	47
	Tổng đàn bò	Con	115	3	24	0	4	20	29	0	30	5
	Tổng đàn lợn	Con	2,000	320	460	260	180	85	45	90	300	260
	Tổng đàn gia cầm	Con	40,000	6,780	7,840	4,850	3,750	2,860	1,000	3,170	6,500	3,250
	Thịt hơi các loại	Tấn	380									
3.5	**Thủy sản**		0									
	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	6	1	1	0.6	0.6	0.6	0.2	0.9	0.6	0.5
	Sản lượng thủy sản	Tấn	12	2	2	2	1	0.6	0.2	1	2	0.7
B	**Thu cân đối ngân sách**	triệu đồng	295									
C	**Các chỉ tiêu về xã hội**											
1	Mức giảm tỷ suất sinh thô	‰	-0.2									
2	Tỷ lệ lao động người dân dùng điện lưới quốc gia	%	100									
3	Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng	%	< 13									
4	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2									
5	Trường đạt chuẩn quốc gia được duy trì	Trường	3									
6	Gia đình văn hóa	%	> 90									
7	Làng văn hóa	%	100									
8	Cơ quan văn hóa	%	100									
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71									
10	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Người	137	21	29	18	18	10	7	10	14	10
11	Tỷ lệ bao phủ BHYT	%	94									
12	Tỷ lệ học sinh đến lớp	%	100									

D	**Các chỉ tiêu về môi trường**											
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	> 75									
2	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	> 95%									